BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 38/2016/TT-BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2016*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao đối với Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Lao động - Tiền lương;

Thực hiện văn bản số 1111/VPCP-KTTH ngày 22 tháng 02 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao đối với Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện đối với người lao động, Chủ tịch Hội đồng quản lý, thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là Quỹ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.

2. Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát.

3. Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, không bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng làm việc theo hợp đồng lao động (sau đây gọi chung là người quản lý).

4. Chủ tịch Hội đồng quản lý, thành viên Hội đồng quản lý.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

Mục 2
QUẢN LÝ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG ĐỐI VỚI TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 3. Quản lý lao động

Quỹ thực hiện quản lý lao động theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là Nghị định số 51/2016/NĐ-CP), Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH).

Điều 4. Thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương

Quỹ xây dựng, quyết định thang lương, bảng lương và thực hiện chuyển xếp lương đối với người lao động, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 93 Bộ luật Lao động, Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương và Thông tư số 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quy định tại Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương.

Điều 5. Xếp lương, tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát được xếp lương theo thang lương, bảng lương do Quỹ xây dựng, quyết định theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát hưởng lương từ quỹ tiền lương của người lao động theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 6. Quỹ tiền lương kế hoạch, tạm ứng quỹ tiền lương, quỹ tiền lương thực hiện, phân phối tiền lương

1. Quỹ xác định mức tiền lương bình quân kế hoạch, quỹ tiền lương kế hoạch, tạm ứng tiền lương, đơn giá tiền lương, quỹ tiền lương thực hiện và phân phối tiền lương của người lao động theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị định số 51/2016/NĐ-CP, Điều 9, Điều 10, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH.

2. Khi xác định mức tiền lương bình quân kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện để tính quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 14 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH, chỉ tiêu lợi nhuận (kế hoạch, thực hiện trong năm hoặc thực hiện của năm trước liền kề) được thay bằng chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí trong năm.

Chỉ tiêu tổng doanh thu, tổng chi phí trong năm được xác định theo quy định của pháp luật về quản lý tài chính đối với Quỹ.

Điều 7. Loại trừ yếu tố khách quan khi xác định mức tiền lương bình quân của người lao động

1. Khi xác định mức tiền lương bình quân của người lao động theo quy định tại Điều 6 Thông tư này, Quỹ được loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động, tổng doanh thu trừ tổng chi phí trong năm, bao gồm:

a) Các yếu tố khách quan quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH;

b) Nhà nước có quyết định điều chỉnh chính sách làm tăng hoặc giảm các khoản phải thu, các khoản chi phí phát sinh trong năm của Quỹ;

2. Việc loại trừ yếu tố khách quan quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện theo nguyên tắc như sau:

a) Năng suất lao động, tổng doanh thu trừ tổng chi phí trong năm bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan phải được lượng hóa và tính toán bằng số liệu cụ thể.

b) Yếu tố khách quan làm giảm (hoặc tăng) năng suất lao động, tổng doanh thu trừ tổng chi phí trong năm thì được cộng thêm (hoặc giảm trừ) phần năng suất lao động, tổng doanh thu trừ tổng chi phí trong năm giảm (hoặc tăng) tương ứng vào chỉ tiêu năng suất lao động, tổng doanh thu trừ tổng chi phí trong năm.

c) Quỹ phải đánh giá lại việc thực hiện các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động, tổng doanh thu trừ tổng chi phí trong năm thực hiện so với kế hoạch để loại trừ khi xác định quỹ tiền lương thực hiện hằng năm của người lao động.

Mục 3

QUẢN LÝ TIỀN LƯƠNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ, THÙ LAO ĐỐI VỚI CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 8. Xếp lương đối với người quản lý

Người quản lý được xếp lương, nâng bậc lương, chuyển xếp lương khi hạng của Quỹ thay đổi thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Mục 2 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là Nghị định số 52/2016/NĐ-CP, Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH).

Điều 9. Xác định quỹ tiền lương, trả lương đối với người quản lý

1. Việc xác định quỹ tiền lương kế hoạch; xác định quỹ tiền lương thực hiện; trả lương đối với người quản lý được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 3, Điều 9, các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 10, khoản 1, khoản 2 Điều 11, Điều 14, Điều 15 và Điều 18 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH.

2. Khi xác định quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, chỉ tiêu lợi nhuận được thay bằng chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí trong năm theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này, trong đó:

Trường hợp Quỹ bảo đảm đủ các điều kiện: bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; nộp ngân sách và trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định; năng suất lao động bình quân không giảm và tổng doanh thu trừ tổng chi phí trong năm cao hơn thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý được xác định như sau:

$$\mathbf{TL_{bqkh} = TL_{cb} + TL_{cb} \times H_{ln}}$$

Trong đó:

- TL_{bqkh} : Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý.

- TL_{cb} : Mức lương cơ bản của người quản lý được xác định theo khoản 1 Điều 10 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH.

- H_{ln}: Hệ số lương tăng thêm so với mức lương cơ bản gắn với mức tổng doanh thu trừ tổng chi phí trong năm như sau: mức tổng doanh thu trừ tổng chi phí trong năm dưới 50 tỷ thì H_{ln} được tính tối đa bằng 0,3; mức tổng doanh thu trừ tổng chi phí trong năm từ 50 tỷ đến dưới 100 tỷ thì H_{ln} được tính tối đa bằng

0,5; mức tổng doanh thu trừ tổng chi phí trong năm từ 100 đến dưới 150 tỷ thì H_{ln} được tính tối đa bằng 0,7; mức tổng doanh thu trừ tổng chi phí trong năm từ 150 tỷ trở lên thì H_{ln} được tính tối đa bằng 1,0.

3. Khi xác định quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, Quỹ loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động, tổng doanh thu trừ tổng chi phí trong năm theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

Điều 10. Thù lao đối với Chủ tịch Hội đồng quản lý, thành viên Hội đồng quản lý

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý, thành viên Hội đồng quản lý được hưởng thù lao theo công việc và thời gian làm việc; mức thù lao kế hoạch, thù lao thực hiện của Chủ tịch Hội đồng quản lý không vượt quá 20% mức tiền lương kế hoạch, mức tiền lương thực hiện của Giám đốc; mức thù lao kế hoạch, thù lao thực hiện của thành viên Hội đồng quản lý không vượt quá 20% mức tiền lương kế hoạch, mức tiền lương thực hiện của Phó giám đốc.

2. Quỹ thù lao kế hoạch (quỹ thù lao thực hiện) được xác định trên cơ sở số thành viên Hội đồng quản lý kế hoạch (số thành viên Hội đồng quản lý thực tế tại các thời điểm trong năm), thời gian làm việc, mức tiền lương kế hoạch (mức tiền lương thực hiện) của Giám đốc, Phó giám đốc và tỷ lệ thù lao do Quỹ xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Căn cứ quỹ thù lao kế hoạch, dự kiến mức tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý trong năm (gắn với mức độ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch trong năm), Quỹ thực hiện tạm ứng quỹ thù lao trả cho Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý. Mức tạm ứng quỹ thù lao do Quỹ xác định nhưng tối đa không vượt quá 80% quỹ thù lao kế hoạch trong năm.

4. Căn cứ quỹ thù lao thực hiện được hưởng và mức thù lao đã tạm ứng cho Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý, Quỹ xác định phần thù lao còn lại; trường hợp đã tạm ứng vượt quá quỹ thù lao thực hiện được hưởng thì Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý phải hoàn trả phần thù lao đã tạm ứng vượt quá ngay trong năm.

Mục 4
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Giám đốc

1. Tổ chức xây dựng mới hoặc rà soát lại vị trí chức danh, công việc; thang lương, bảng lương, phụ cấp lương theo vị trí chức danh, công việc và thực hiện chuyển xếp lương theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Hằng năm, rà soát lại hoặc xây dựng mới định mức lao động, kế hoạch lao động, đánh giá tình hình sử dụng lao động; xây dựng và ban hành quy chế tuyển dụng, sử dụng lao động và tổ chức tuyển dụng lao động theo quy định.

3. Quý I hàng năm, xác định quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của năm trước liền kề của người lao động, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thống kê số liệu tại biểu mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH, báo cáo Hội đồng quản lý phê duyệt.

4. Xây dựng, ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế trả lương của người lao động.

5. Tạm ứng tiền lương, quyết định việc xây dựng đơn giá tiền lương, mức trích dự phòng tiền lương; thực hiện trả lương đối với người lao động theo quy chế trả lương của Quỹ.

6. Định kỳ báo cáo Hội đồng quản lý tình hình lao động, tiền lương theo quy định tại Thông tư này.

Điều 12. Trách nhiệm của Hội đồng quản lý

1. Quý I hằng năm, xem xét phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh, định mức lao động, kế hoạch lao động, quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát năm trước liền kề theo quy định tại Thông tư này, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo biểu mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày phê duyệt để kiểm tra, giám sát.

2. Quý I hằng năm, tiếp nhận quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện năm trước liền kề của người quản lý, quỹ thù lao kế hoạch, quỹ thù lao thực hiện năm trước liền kề của Chủ tịch Hội đồng quản lý, thành viên Hội đồng quản lý, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt kèm số liệu theo biểu mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH.

3. Quyết định chuyển xếp, nâng bậc lương đối với người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm; báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định chuyển xếp, nâng bậc lương đối với người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Chỉ đạo Giám đốc kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự làm công tác lao động, tiền lương để thực hiện các nội dung quản lý lao động, tiền lương theo quy định tại Thông tư này.

5. Xây dựng, phê duyệt quy chế trả lương, thù lao đối với người quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý, thành viên Hội đồng quản lý và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước khi thực hiện; trả lương, thù lao cho người quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý, thành viên Hội đồng quản lý theo quy chế trả lương, thù lao đã được phê duyệt.

6. Quý II hàng năm, tổng hợp tiền lương, thù lao và thu nhập bình quân hàng tháng năm trước liền kề của từng người quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý, thành viên Hội đồng quản lý để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư kèm số liệu theo biểu mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH.

Điều 13. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Tiếp nhận, cho ý kiến thang lương, bảng lương, phụ cấp lương, phương án chuyển xếp lương của Quỹ.

2. Tổ chức triển khai hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách lao động, tiền lương của người lao động, tiền lương, thù lao của người quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý, thành viên Hội đồng quản lý theo quy định tại Thông tư này.

3. Quý I hàng năm, tiếp nhận, giám sát, kiểm tra báo cáo của Hội đồng quản lý về định mức lao động, kế hoạch lao động, quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của năm trước và có ý kiến về các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động, tổng doanh thu trừ tổng chi phí trong năm (nếu có); tiếp nhận và xem xét, phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý, thành viên Hội đồng quản lý theo quy định tại Thông tư này.

4. Quyết định chuyển xếp lương, nâng bậc lương đối với người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm.

5. Tiếp nhận, rà soát và cho ý kiến về quy chế trả lương, thù lao đối với người lao động, người quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý, thành viên Hội đồng quản lý.

6. Kiểm tra, giám sát việc xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương; thực hiện chính sách lao động, tiền lương theo quy định tại Thông tư này.

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng lao động, quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện, quy chế trả lương của Quỹ theo quy định tại Thông tư này.

Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng lao động, quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện, quy chế trả lương của Quỹ; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách lao động, tiền lương của Quỹ.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2. Quỹ thực hiện mức tiền chi bữa ăn giữa ca cho người lao động, trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, người quản lý không vượt quá 730.000 đồng/người/tháng. Việc thực hiện chế độ ăn giữa ca theo hướng dẫn tại Thông tư số 22/2008/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 10 năm 2008 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ ăn giữa ca trong công ty nhà nước.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để hướng dẫn bổ sung kịp thời./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố thuộc Trung ương;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT của Chính phủ;
- Cổng TTĐT của Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, LĐTL, PC.

BỘ TRƯỞNG

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Đào Ngọc Dung